



DANH MỤC HÀNG HÓA KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP

(Kèm theo Thông báo sửa đổi, bổ sung Thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa theo phương thức đa cấp số 0104/2025/TB/SEACRET ngày 01 tháng 04 năm 2025)

(Thời điểm áp dụng: Từ ngày 25 tháng 04 năm 2025)

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Chủng loại	Quy cách đóng gói	Giá bán (VNĐ - bao gồm thuế GTGT)			Điểm Doanh Số (QV)	Điểm Hoa Hồng (CV)
						cho Người tiêu dùng	cho khách hàng VIP	cho Nhà Phân Phối		
1	10206100	SEACRET CLARIFYING MUD MASK	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 80g được đóng trong hộp giấy	2,308,400	1,752,000	1,592,000	21	21
2	10205100	SEACRET FACE WASH REVIVING CLEANSING GEL	Israel	Mỹ phẩm	Tuýp 100ml	1,023,700	777,000	706,000	10	10
3	10200300	SEACRET MAKEUP REMOVER CLEANSING MILK	Israel	Mỹ phẩm	Tuýp 200ml	1,133,900	861,000	782,000	10	10
4	10300807	SEACRET NOURISHING BODY BUTTER OCEAN MIST	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 250 ML	978,750	742,500	675,000	9	9
5	10300808	SEACRET NOURISHING BODY BUTTER POMEGRANATE	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 250 ML	978,750	742,500	675,000	9	9
6	10300607	SEACRET SOFTENING BODY LOTION OCEAN MIST	Israel	Mỹ phẩm	Tuýp 200 ML	543,750	412,500	375,000	5	5
7	10201000	SEACRET MINERAL RICH REFINING TONER	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 210 ML	978,750	742,500	675,000	9	9

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Chủng loại	Quy cách đóng gói	Giá bán			Điểm Doanh Số (QV)	Điểm Hoa Hồng (CV)
						(VND - bao gồm thuế GTGT) cho Người tiêu dùng	cho khách hàng VIP	cho Nhà Phân Phối		
8	10300707	SEACRET SALT & OIL SCRUB OCEAN MIST	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 400 g	978,750	742,500	675,000	9	9
9	10300708	SEACRET SALT & OIL SCRUB POMEGRANATE	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 400 g	978,750	742,500	675,000	9	9
10	10203000	SEACRET EXFOLIATOR PEELING GEL	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 30 ML được đóng trong hộp giấy	1,392,000	1,036,000	960,000	12	12
11	12250000	SEACRET RECOVER DAY MASQUE	Israel	Mỹ phẩm	Hộp 8 gói, mỗi gói 3.3 g	4,837,200	3,669,600	3,336,000	45	45
12	10305500	SEACRET DEAD SEA BATH SALTS	Israel	Mỹ phẩm	Gói 400 g	870,000	660,000	600,000	8	8
13	16700000	SEACRET M-FRESH MINERAL SALT TOOTHPASTE	Israel	Mỹ phẩm	Tuýp 100 g được đóng trong hộp giấy	229,100	173,800	158,000	2	2
14	10501600	SEACRET HYDRAMUD ENERGIZE MUD SHAMPOO	Israel	Mỹ phẩm	Chai 400 ML	1,160,000	880,000	800,000	11	11

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Chung loại	Quy cách đóng gói	Giá bán			Điểm Doanh Số (QV)	Điểm Hoa Hồng (CV)
						(VNĐ - bao gồm thuế GTGT)	cho khách hàng VIP	cho Nhà Phân Phối		
15	10501700	SEACRET HYDRAMUD VITALIZE MUD CONDITIONER	Israel	Mỹ phẩm	Chai 400 ML	1,160,000	880,000	800,000	11	11
16	10500400	SEACRET MINERAL RICH VITALIZING MUD CONDITIONER	Israel	Mỹ phẩm	Chai 500 ML	1,160,000	880,000	800,000	10	10
17	10306100	SEACRET MINERAL SOAP	Israel	Mỹ phẩm	Cục 125 g được đóng trong hộp giấy	413,250	313,500	285,000	3	3
18	10306000	SEACRET FACE WASH MUD SOAP	Israel	Mỹ phẩm	Cục 125 g được đóng trong hộp giấy	494,450	375,100	341,000	5	5
19	20550100	LƯỢC TẠO KIỂU TÓC SEACRET PRO STYLING HAIR BRUSH ROSE GOLD	Hàn Quốc	Dụng cụ trang điểm	Chiếc	783,000	594,000	540,000	7	7
20	61394	THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ LIFELINE™	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	450g/lon	1,880,000	1,426,000	1,296,000	17	17
21	62493	THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ SDII™	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	420g/lon	1,901,000	1,443,000	1,311,000	18	18

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Chung loại	Quy cách đóng gói	Giá bán			Điểm Doanh Số (QV)	Điểm Hoa Hồng (CV)
						(VND - bao gồm thuế GTGT) cho Người tiêu dùng	cho khách hàng VIP	cho Nhà Phân Phối		
22	62519	THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	420g/lon	1,329,000	1,008,000	916,000	12	12
23	62758	THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP – CHOCOLATE FUDGE FLAVOUR	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	490g/lon	1,901,000	1,443,000	1,311,000	18	18
24	62759	THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP - BERRIES, STRAWBERRY & CREAM FLAVOUR	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	490g/lon	1,901,000	1,443,000	1,311,000	18	18
25	10255200	SEACRET M4 MINERAL RICH MAGNETIC MUD MASK	Israel	Mỹ phẩm	Lọ 55 ML được đóng trong hộp giấy	4,184,700	3,175,000	2,886,000	40	40
26	10306600	SEACRET SOOTHING FOOT CREAM	Israel	Mỹ Phẩm	Tuýp 100 ML	978,750	696,000	675,000	9	9
27	10306500	SEACRET HYDRATING HAND CREAM	Israel	Mỹ Phẩm	Tuýp 100 ML	978,750	696,000	675,000	9	9
28	10302700	SEACRET CONDITIONING BODY WASH	Israel	Mỹ Phẩm	Chai 400ml	939,600	714,000	648,000	8	8

STT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Xuất xứ	Chung loại	Quy cách đóng gói	Giá bán			Điểm Doanh Số (QV)	Điểm Hoa Hồng (CV)
						(VNĐ - bao gồm thuế GTGT) cho Người tiêu dùng	cho khách hàng VIP	cho Nhà Phân Phối		
29	10300816	SEACRET NOURISHING BODY BUTTER GREEN TEA	Israel	Mỹ Phẩm	Lọ 250 ML	978,750	696,000	675,000	9	9
30	VN195100	Bộ sản phẩm Thành Viên Tích Cực (Active Member Pack), bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ LIFELINE™ (02 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	3,625,000	2,750,000	2,500,000	30	25
31	VN195200	Bộ sản phẩm Thành Viên Tích Cực (Active Member Pack), bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ SDI™ (01 sản phẩm) và THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™ (01 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	3,230,000	2,750,000	2,500,000	30	25
32	VN195300	Bộ sản phẩm Thành Viên Tích Cực (Active Member Pack), bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP - BERRIES, STRAWBERRY & CREAM FLAVOUR (01 sản phẩm) và THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™ (01 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	3,230,000	2,750,000	2,500,000	30	25
33	VN195400	Bộ sản phẩm Thành Viên Tích Cực (Active Member Pack), bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP – CHOCOLATE FUDGE FLAVOUR (01 sản phẩm) và THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™ (01 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	3,230,000	2,750,000	2,500,000	30	25
34	VN240006	Gói Trái Nghiệm - Weight, bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ SDI™ (02 sản phẩm) THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™ (01 sản phẩm) THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP – CHOCOLATE FUDGE FLAVOUR (02 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	8,933,000	6,780,000	6,160,000	84	84
35	VN240007	Gói Gia Đình - Weight, bao gồm: THỰC PHẨM BỔ SUNG ALPHA LIPID™ SDI™ (08 sản phẩm) THỰC PHẨM BỔ SUNG FIBREMAX™ (04 sản phẩm) THỰC PHẨM BỔ SUNG SHAPEUP – CHOCOLATE FUDGE FLAVOUR (08 sản phẩm)	New Zealand	Thực phẩm bổ sung	Hộp/Túi	33,350,000	25,300,000	23,000,000	310	310